

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41/2022/DS-ST**.

Ngày: 20/5/2022.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thái.

2. Bà Phạm Hồng Gái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Bà Trần Phương Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa:

1/ Nguyên đơn: Bà **Trần Thị S**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Tổ 7, ấp Hòn Quéo, xã Thổ Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG.

Người đại diện theo ủy Q: Ông **Trần Việt Quốc**, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố Sơn Tiến, thị trấn Sóc Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG

2/ Bị đơn: - Ông **Cao Minh H**, sinh năm 1977 (vắng mặt).

- Bà **Lê Hữu Q**, sinh năm 1978 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Hòn Quéo, xã Thổ Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy Q của nguyên đơn ông Trần Việt Q trình bày:*

Bà Trần Thị S và vợ chồng ông Cao Minh H, bà Lê Hữu Q là chỗ quen biết nên vào ngày 06/3/2021 bà S cho ông H và bà Q vay số tiền là 500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn vay là 5 tháng, việc vay tiền hai bên có lập biên nhận cùng ngày. Từ khi nhận tiền vay của bà S cho đến nay vợ chồng ông H, bà Q không đóng lãi, cũng không trả gốc khi đến hạn như thỏa thuận.

Nay bà Trần Thị S khởi kiện yêu cầu ông Cao Minh H, bà Lê Hữu Q phải trả cho bà số tiền vay còn nợ tổng cộng là: 599.960.000 đồng, trong đó gốc là 500.000.000 đồng, lãi từ ngày 06/3/2021 đến ngày 06/3/2022 (12 tháng), lãi suất 1,666%/tháng, thành tiền là 99.960.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy Q của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nêu trên.

** Tại Biên bản ghi lời khai ngày 18/3/2022 và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Hữu Q trình bày:*

Bà Lê Hữu Q thừa nhận có ký tên vào biên nhận vay tiền ngày 06/3/2021 với bà Trần Thị S. Tuy nhiên số tiền này không phải vợ chồng bà vay trực tiếp từ bà S mà trước đây vợ chồng bà có nợ của bà Quách Thị Diễm Kiều (em dâu) số tiền là 500.000.000 đồng. Trong khi bà Kiều lại nợ của bà S 500.000.000 đồng, do không có khả năng trả cho bà S nên bà Kiều và vợ chồng bà Q thỏa thuận gạt nợ với nhau, theo đó vợ chồng bà Q sẽ nhận trách nhiệm trả số tiền vay 500.000.000 đồng cho bà S. Việc thỏa thuận được bà S đồng ý nên bà S và vợ chồng bà lập biên nhận đề ngày 06/3/2021 với nội dung vay số tiền là 500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn vay là 5 tháng. Tuy nhiên, từ ngày ký biên nhận đến nay thì vợ chồng bà chỉ đóng được 01 lần tiền lãi là 5.000.000 đồng, còn gốc thì chưa trả được lần nào.

Nay bà Trần Thị S khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà phải trả số tiền vay gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 06/3/2021 đến ngày 06/3/2022 (12 tháng), lãi suất 1,666%/tháng, thành tiền là 99.960.000 đồng, tổng cộng là 599.960.000 đồng thì bà cũng đồng ý trả nhưng xin bà S miễn số tiền lãi, còn tiền gốc thì vợ chồng bà xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi hết số nợ trên.

** Tại Biên bản ghi lời khai ngày 31/3/2022 bị đơn ông Cao Minh H trình bày:*

Trước đây, vợ chồng ông có nợ của bà Quách Thị Diễm Kiều số tiền là 500.000.000 đồng. Khi đó bà Kiều lại nợ của bà S 500.000.000 đồng, do không có khả năng trả cho bà S nên bà Kiều và vợ chồng ông thỏa thuận gạt nợ với nhau, theo đó vợ chồng ông sẽ nhận trách nhiệm trả số tiền vay 500.000.000 đồng cho bà S. Việc thỏa

thuận được bà S đồng ý nên bà S và vợ chồng ông lập lại biên nhận đề ngày 06/3/2021. Từ ngày ký biên nhận đến nay thì vợ chồng ông chỉ đóng được 01 lần tiền lãi là 5.000.000 đồng, còn gốc thì chưa trả được lần nào. Ông H thừa nhận chữ ký trong biên nhận là của ông, việc vay tiền các bên không có thể chấp tài sản gì, đối với số tiền lãi đã đóng ông cũng không yêu cầu Tòa án xem xét lại.

Nay bà Trần Thị S khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải trả số tiền vay gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 06/3/2021 đến ngày 06/3/2022 (12 tháng), lãi suất 1,666%/tháng, thành tiền là 99.960.000 đồng, tổng cộng là 599.960.000 đồng thì ông cũng đồng ý trả nhưng xin bà S miễn số tiền lãi, còn tiền gốc thì ông xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi hết số nợ trên.

** Tại phiên tòa vị đại diện VKS phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về Q và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S, buộc bị đơn ông Cao Minh H và bà Lê Hữu Q liên đới trả cho bà Trần Thị S số tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 06/3/2021 đến ngày 06/3/2022 với mức lãi suất 1,666%/tháng, thành tiền là 99.960.000 đồng, tổng cộng gốc, lãi là 599.960.000 đồng.

Về án phí dân sự: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc bị đơn chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm Q giải quyết:* Theo đơn khởi kiện bà Trần Thị S khởi kiện yêu cầu ông Cao Minh H và bà Lê Hữu Q phải trả số tiền vay còn nợ là 599.960.000 đồng. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Bị đơn ông H và bà Q cư trú trên địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm Q giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Cao Minh H đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó căn cứ vào các khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[3] *Về nội dung vụ án*: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định như sau:

Vào ngày 06/3/2021 ông Cao Minh H và bà Lê Hữu Q có vay của bà Trần Thị S số tiền là 500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, thời hạn vay là 5 tháng, việc vay tiền các bên có lập biên nhận cùng ngày. Tại các bản khai ông H và bà Q thừa nhận chữ ký trong biên nhận nợ của ông bà; ông bà có nợ bà S số tiền nêu trên là đúng nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai của bà Trần Thị S và ông Cao Minh H và bà Lê Hữu Q về số tiền vay, lãi suất vay và thời hạn vay là hoàn toàn trùng khớp với nhau; qua quá trình làm việc tại Tòa án ông H, bà Q thừa nhận ông bà vẫn còn nợ bà S số tiền vay gốc là 500.000.000 đồng và đồng ý có trách nhiệm trả số tiền này cho bà S. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện trả nợ của ông H, bà Q. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện trả nợ của các đương sự, ông H và bà Q có nghĩa vụ trả cho bà S số tiền gốc 500.000.000 đồng.

[3.2] Xét yêu cầu tính lãi của bà S: Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Tuy nhiên, khi khởi kiện bà S chỉ yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,666%/tháng, với mức lãi suất này là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Thời gian tính lãi suất như sau:

Tính từ ngày 06/3/2021 đến ngày 06/3/2022 là 12 tháng: $500.000.000 \text{ đồng} \times 1,666\% \times 12 \text{ tháng} = 99.960.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng cộng gốc, lãi ông H và bà Q phải trả cho bà Trần Thị S là 599.960.000 đồng.

[3.3] Xét yêu cầu của ông H, bà Q xin được trả dần số nợ trên nhưng không được bà S đồng ý. Căn cứ theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 của TANDTC - VKSNDTC- Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính quy định "...Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ

thi hành ...”. Vì vậy, yêu cầu này của ông H, bà Q là không thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những cơ sở nêu trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để được chấp nhận. Buộc ông Cao Minh H và bà Lê Hữu Q phải trả cho bà Trần Thị S số tiền vay gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 06/3/2021 đến ngày 06/3/2022 với mức lãi suất 1,666%/tháng, thành tiền là 99.960.000 đồng, tổng cộng là 599.960.000 đồng.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận trong quá trình nghị án.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Qhội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Cao Minh H và bà Lê Hữu Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 27.998.000 đồng (599.960.000 đồng x 5%).

Bà Trần Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S.

Buộc ông Cao Minh H và bà Lê Hữu Q phải trả cho bà Trần Thị S số tiền vay còn nợ là 599.960.000 đồng (Năm trăm chín mươi chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Trong đó, gốc là: 500.000.000 đồng và lãi là 99.960.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm

trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Về án phí DSST: Buộc ông Cao Minh H và bà Lê Hữu Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 27.998.000 đồng.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.900.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001680 ngày 09/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3/. Q kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có Q kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có Q kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- THA huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Hồng Diệp